

## **Giải bài tập SGK tiếng Anh lớp 11 Unit 12 THE ASIAN GAMES**

### **A. Reading** (Trang 136-137-138 SGK Tiếng Anh 11)

#### **Before you read** (Trước khi bạn đọc)

- **Work with a partner.** Discuss the following questions: (Làm việc với một bạn học. Thảo luận các câu hỏi sau:)

1. How often are the Asian Games held? (Đại hội thể thao Châu Á được tổ chức bao lâu một lần?)

=> The Asian Games are held every four Years.

2. How many countries take part in the Asian Games? (Có bao nhiêu quốc gia tham gia Đại hội thể thao Châu Á?)

=> 44 countries take part in the Asian Games.

3. What sports is Vietnam best at? (Môn thể thao nào là thế mạnh của Việt Nam?)

=> I think bodybuilding, billiards, women's karatedo, shooting and wushu are the best sports of Vietnam.

#### **While you read** (Trong khi bạn đọc)

Read the passage and then do the tasks that follow. (Đọc đoạn văn và làm các bài tập theo sau.)

#### **Hướng dẫn dịch:**

Đại hội thể thao Châu Á được tổ chức bốn năm một lần nhằm mục đích phát triển sự giao lưu giữa các nền văn hóa và tình hữu nghị giữa các quốc gia Châu Á. Trong sự kiện có nhiều môn thể thao này, những người trẻ tuổi ở khắp Châu Á tụ họp để cùng tranh tài. Nó là cơ hội để kiểm định tài năng thể thao và sức mạnh, để xây dựng và củng cố tình hữu nghị và đoàn kết.

Suốt năm thập kỷ lịch sử, Á vận hội đã tiến bộ về nhiều phương diện. Số lượng người tham dự đã tăng lên. Chất lượng của các vận động viên, nhân viên và các phương tiện thể thao cũng đã được phát triển dần. Các môn thể thao mới và các môn thể thao theo truyền

thống đều được giới thiệu và đưa thêm vào Thế vận hội. Á vận hội lần thứ nhất (1951) được tổ chức tại New Delhi, Ấn Độ chỉ có 489 vận động viên từ 11 quốc gia tham dự. Sáu môn thi đấu mà các vận động viên tham gia là bóng rổ, đua xe đạp, bóng đá, môn thể thao dưới nước, điền kinh và cử tạ. Môn đấu quyền anh, bắn súng và đấu vật được thêm vào ở Á vận hội lần thứ hai ở Manila, Phi-lip-pin năm 1954; môn quần vợt, bóng chày, bóng bàn và khúc côn cầu được thêm vào Á vận hội lần thứ ba tại Tokyo, Nhật năm 1958. Môn bóng quần, bóng bầu dục, đấu kiếm và xe đạp leo núi được đưa vào thi đấu lần đầu tiên ở Á vận hội thứ 13 tại Bangkok, Thái Lan năm 1998.

Á vận hội lần thứ 14 được tổ chức ở Busan, Hàn Quốc năm 2002 đã thu hút 9 919 vận động viên tham dự từ 42 quốc gia. Các vận động viên tranh tài trong 38 môn thể thao và đạt 419 huy chương vàng. Vận động viên Việt Nam tham dự vào sự kiện thể thao này với sự nhiệt tình lớn lao. Nỗ lực của họ được đánh giá cao khi họ đạt được hai huy chương vàng cho môn thể hình và billards, và hai huy chương vàng khác cho môn karate nữ. Hy vọng rằng trong tương lai sắp tới Việt Nam sẽ là quốc gia đăng cai thế vận hội và sẽ đạt được nhiều huy chương hơn nữa trong các môn thi đấu khác.

**Task 1.** The words in the box all appear in the passage. Fill each blank with a suitable word. (*Những từ trong khung xuất hiện trong đoạn văn. Điền vào chỗ trống một từ thích hợp.*)

**Gợi ý:**

1. facilities	2. aquatic	3. enthusiasm
4. effort	5. advancing	6. appreciated

**Task 2.** Scan the passage and complete the following sentences. (*Đọc sơ qua đoạn văn và hoàn thành các câu sau.*)

**Gợi ý:**

(1) 1951

(2) the 2<sup>th</sup> Asian Games in Manila, the Philippines

(3) 1958

(4) Squash, rugby, fencing and mountain biking

(5) 2002

**Task 3.** Answer the questions. (*Trả lời các câu hỏi.*)

1. What is the purpose of the Asian Games? (*Mục đích của Đại hội thể thao Châu Á là gì?*)

=> The purpose of the Asian Games is to develop intercultural knowledge and friendship within Asia.

2. How many participants took part in the 14<sup>th</sup> Asian Games? (*Có bao nhiêu quốc gia tham dự Đại hội lần thứ 14?*)

=> There were 9,919 participants took part in the 14<sup>th</sup> Asian Games.

3. In which sport events did the Vietnamese athletes win gold medals at the Busan Games? (*Các vận động viên Việt Nam đã giành huy chương vàng ở các môn thi đấu nào tại Đại hội Busan?*)

=> They won the gold medals in bodybuilding, billiards and women's karatedo at the Busan Games.

**After you read** (*Sau khi bạn đọc*)

**Work in groups.** Talk about the history of the Asian Games. (*Làm việc nhóm. Nói về lịch sử của Đại hội Thể thao châu Á.*)

**Gợi ý:**

- In 1951, the 1<sup>st</sup> Asian Games were held in New Delhi. 489 athletes from 11 nations took part in the Games.

- Boxing, shooting and wrestling were added at the 2<sup>nd</sup> Asian Games in Manila, the Philippines in 1954.

- Tennis, volleyball, table tennis and hockey were added at the 3<sup>rd</sup> Asian Games in Tokyo, Japan in 1958.

- Squash, rugby, fencing and mountain biking were introduced for the first time at the 13<sup>th</sup> Asian Games in Bangkok.

- The 14<sup>th</sup>, which were held in Busan, Korea in 2002, attracted 9,919 participants from 44 countries.

## **B. Speaking** (Trang 139-140 SGK Tiếng Anh 11)

**Task 1. Work in pairs.** Ask and answer questions about the Asian Games, using ... . (*Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời các câu hỏi về Đại hội Thể thao châu Á, sử dụng thông tin từ bảng dưới.*)

**A:** Đại hội thể thao Châu Á lần thứ nhất được tổ chức khi nào và ở đâu?

**B:** (Nó được tổ chức) năm 1951 ở Ấn Độ.

**A:** Có bao nhiêu quốc gia tham gia Đại hội?

**B:** 11 quốc gia.

**A:** Đại hội có bao nhiêu môn thể thao?

**B:** 6 môn.

### **Gợi ý:**

Làm tương tự như trong sgk Tiếng Anh 11 trang 139. Ví dụ:

**A:** When and where were the 2<sup>nd</sup> Asian Games?

**B:** (They were held) in 1954 in Philippines.

**A:** How many countries took part in the Games?

**B:** Eighteen.

**A:** How many sports were there at the Games?

**B:** Eight.

**Task 2. Work in groups.** Take turns to talk about the sports results of the Vietnamese... . (*Làm việc nhóm. Thay phiên nhau nói về kết quả thể thao của các vận động viên Việt Nam tại Đại hội Thể thao châu Á lần thứ 14.*)

**Gợi ý:**

- In bodybuilding, the Vietnamese athletes won one gold medal and one bronze medal.
- In billiards, the Vietnamese athletes won one gold medal and one silver medal.
- In karatedo, the Vietnamese athletes won two gold medals and one bronze medal.
- In shooting, the Vietnamese athletes won one bronze medal.
- In wushu, the Vietnamese athletes won one silver medal and one bronze medal.

**C. Listening (Trang 141-142 SGK Tiếng Anh 11)****Before you listen** (Trước khi bạn nghe)

- **Work in pairs.** Look at the pictures and answer the questions. (*Làm việc theo cặp. Nhìn vào hình ảnh và trả lời các câu hỏi.*)

1. What are the names of these sports? (Tên các môn thể thao này là gì?)

High jump

Swimming

Gymnastics

Long jump

2. Have you ever watched sports like these on television? (*Bạn đã từng xem các môn thể thao như này trên TV chưa?*)

=> No, I haven't.

=> Yes, I often watch these sports on TV every night.

3. Which sport(s) do you like best? Why? (*Bạn thích môn thể thao nào nhất? Tại sao?*)

=> I like swimming best because swimming is easy on the joints, making it suitable for every age and stage of life.

- *Liste and repeat.*

coming live: truyền trực tiếp	freestyle: bơi tự do
gymnasium: phòng tập thể dục	land: tiếp đất
bar: thanh, xà	gymnast: vận động viên thể dục

**While you listen** (*Trong khi bạn nghe*)

**Task 1.** Listen and choose the best answer A, B, C or D for the following sentences. (*Nghe và chọn câu trả lời A, B, C hoặc D đúng nhất cho các câu sau đây.*)

**Gợi ý:**

1. C	2. A	3. B	4. B	5. D
------	------	------	------	------

**Task 2.** Listen again and answer the following questions. (*Nghe lại và trả lời các câu hỏi sau.*)

**1.** What time was "The Asian Games Report" programme? (*Chương trình "Tường thuật Thế vận hội Châu Á" vào lúc mấy giờ?*)

=> 10.15 p.m.

**2.** How many gold medals have the Japanese athletes won in the first three days? (*Vận động viên người Nhật giành được bao nhiêu huy chương vàng trong ba ngày thi đấu đầu tiên?*)

=> 6 gold medals.

**3.** How many times has Lee Bong-ju competed in the long jump? (*Lee Bong-ju đã tham gia nhảy xa bao nhiêu lần?*)

=> 2 times.

**4.** What was the last sports event mentioned in the report? (*Môn thi thể thao nào được đề cập cuối cùng trong bài tường thuật?*)

=> High jump.

5. How was Vichai after he finished his performance? (*Vichai cảm thấy thế nào sau khi anh ta kết thúc bài biểu diễn?*)

=> He was very disappointed.

**After you listen** (*Sau khi bạn nghe*)

- **Work in groups.** *Talk about a famous athlete you know. (Làm việc nhóm. Nói về một vận động viên nổi tiếng mà bạn biết.)*

**Gợi ý:**

**Le Cong Vinh** (born 10 December 1985) is a Vietnamese footballer who currently plays for Becamex Binh Duong. He is also an important part of the Vietnamese.

In 2008, after a well-documented transfer saga, Vinh he turned down The Cong at the last minute to accept a more lucrative offer from T & T Ha Noi; it was the highest transfer fee in national football at the time.

At the beginning of August 2009, T & T announced that Vinh would be joining Leixões Sport Club of Portugal in a three-month loan deal, starting 1 September 2009. The deal was facilitated by Henrique Calisto, who was once Leixões' manager.

#### **D. Writing** (Trang 143 SGK Tiếng Anh 11)

*Suppose Vietnam is going to host the coming Asian Games. Write a paragraph of about 120 words to describe the preparations for the Games, using the cues given below. (Giả sử Việt Nam sẽ đăng cai tổ chức Đại hội Thể thao châu Á sắp tới. Viết một đoạn văn khoảng 120 từ để mô tả việc chuẩn bị cho Đại hội, sử dụng các gợi ý đã cho dưới đây.)*

**Gợi ý:**

#### **Đoạn văn 1:**

To prepare for the coming Asian Games, we have a lot of things to do. First of all, we will build one more National Stadium. And we will upgrade the National sports Centres and local stadiums because they are not in good condition. Then the training ares and roads to sports buildings need to be widened.

Next, we have to equip more hotels and guest houses with modern facilities. After that, we will recruit volunteers to serve the Games and hold a competition to choose an official song for welcoming the Asian Games. One more important thing is that it is necessary to promote and advertise the preparations for the Asian Games on the radio and TV. We hope that the coming Asian Games in Vietnam will be successful.

**Đoạn văn 2:**

To prepare for the coming Asian Games, we have a lot of things to do. First of all, we will build one more National Stadium, some sports buildings and car parks. The National Sports Centers and local stadiums are not in good condition, so they need to be upgraded. And we will Widen the training areas, roads and sports buildings. Then we have to equip all hotels and guest houses with modern facilities to welcome foreign athletes and visitors. These hotels should also have special services for disable athletes. It is necessary to promote and advertise all the preparations for the Asian Games on the radio and T.V. Finally, we need to recruit volunteers to serve the Games. These people should be university teachers and students with good English. One more important thing is that we have to hold a competition to choose an official song for welcoming the Asian Games.

**E. Language Focus (Trang 144-145 SGK Tiếng Anh 11)****Grammar**

**Exercise 1.** Complete each of the following sentences, using a suitable sentence ... . (*Hoàn thành mỗi câu sau, sử dụng một câu thích hợp trong khung để làm một mệnh đề quan hệ mà không cần đại từ quan hệ.*)

**Gợi ý:**

1. Have you found the bike you lost?
2. Most of the classmates he invited to the birthday party couldn't come.
3. The short stories John told were very funny.
4. The dictionary I bought yesterday is expensive, but very interesting.



5. I didn't like the man we met this morning.

6. The beef we had for lunch was really delicious.

**Exercise 2.** Complete each of the following sentences, using a suitable sentence ... . (*Hoàn thành mỗi câu sau, sử dụng một câu thích hợp trong khung để làm một mệnh đề quan hệ với một giới từ.*)

**Gợi ý:**

1. I enjoy my job because I like the people I work with.
2. The dinner party we went to wasn't very enjoyable.
3. The house we're living in is not in good condition.
4. I wasn't interested in the things they were talking about.
5. He didn't get the job he applied for.
6. The bed I slept in was very modern.

**Exercise 3.** Tick (✓) the sentences in which the relative pronoun can be omitted. (*Đánh dấu (✓) vào các câu có thể lược bỏ đại từ quan hệ.*)

**Gợi ý:**

✓	1. The girl <del>who</del> we are going to see is from Britain.
	2. He works for a company <del>that</del> makes cars.
✓	3. What was the name of the man <del>who</del> you met yesterday?
	4. The table <del>that</del> was broken has now been repaired.
✓	5. Do you know the girl <del>who</del> he is talking to?
✓	6. This is the novel <del>that</del> I've been expecting.